

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương

Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐ-ST ngày 08/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Chị H hiện đang lao động ở nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị H tại Việt Nam: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Có đăng ký kết hôn ngày 27/10/1999 tại Ủy ban nhân dân xã

N, huyện L, tỉnh Bắc Giang nơi anh, chị đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn năm 2010 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp. Sang Đảo Síp lao động thời gian đầu vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến tháng 5/2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 05/2016 đến nay anh và chị H không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Bùi Văn Đ, sinh ngày 10/6/1998 và cháu Bùi Thị G, sinh ngày 12/12/2002. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2022 và 12/8/2022, bà Phạm Thị V là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị H cung cấp chị H hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp. Anh T, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh T dâu ngay và chung sống hòa thuận bên gia đình nhà chồng. Sau một thời gian chung sống chị H đi lao động tại Đảo Síp. Đi lao động một thời gian thì thấy chị H, anh T nói có mâu thuẫn. Bà đã khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để về chung sống và cùng chăm sóc con nhưng không được. Chị H, anh T có 02 con chung là cháu Bùi Văn Đ, sinh ngày 10/6/1998 và cháu Bùi Thị G, sinh ngày 12/12/2002. Về tài sản chung, công nợ của anh, chị bà không biết. Chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị H không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị H tại Đảo Síp.

Tại phiên tòa, anh Bùi Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Bùi Văn T; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị H không có địa chỉ cụ thể ở nước

ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị H. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị H là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T.

Xử cho anh Bùi Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Do các con của anh T, chị H đều trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản, công nợ: Do anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Bùi Văn T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị H và yêu cầu giải quyết nuôi con chung Theo Công văn trả lời số 15225/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 25/7/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, chị H xuất cảnh gần đây nhất là ngày 17/10/2010, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ lời khai của anh T và bà Phạm Thị V là mẹ đẻ chị H. Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, chị H được xác định là đang ở nước ngoài. Chị H là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn chị Nguyễn Thị H đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt các đương sự: Anh Bùi Văn T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Bùi Văn T.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị H là bà Phạm Thị V để giao thông báo thụ lý vụ án, đề nghị bà V thông báo cho chị H biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị H. Bà Vinh cho biết chị H vẫn thường

xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị H không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị H tại Đảo Síp. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn chị H và xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/10/1999 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Bùi Văn T với chị Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H về nhà anh T làm dâu ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận. Năm 2010 chị H đi lao động tại Đảo Síp. Sau khi sang Đảo Síp lao động một thời gian thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Kể từ tháng 5/2016 đến nay anh, chị không còn liên lạc với nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn. Ngoài ra, bà V là mẹ đẻ chị H cung cấp chị H, anh T có mâu thuẫn, bà đã khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để về chung sống và cùng chăm sóc con nhưng không được. Do đó, cần xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, xử cho anh T và chị H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Các con chung của anh T, chị H là cháu Bùi Văn Đ, sinh ngày 10/6/1998 và cháu Bùi Thị G, sinh ngày 12/12/2002 đều trên 18 tuổi, anh T không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000510 ngày 07/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Bùi Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Bùi Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

